

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 16/8/2018
V/v Không công nhận là vợ chồng
giữa chị E và anh Th

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH – TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông La Văn Viên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Thế Hạp;
2. Bà Phùng Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Ông Nông Đức Tài - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xét xử công khai vụ án thụ lý số 26/2018/ TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về việc " *Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc hủy kết hôn trái pháp luật*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX - ST ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị E; Sinh năm: 1985.

Trú tại: xóm T - xã Phong Châu - huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nông Văn Th; Sinh năm: 1985.

Trú tại: xóm B - xã Phong Châu- huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nông Thị E trình bày như sau: Chị (E) kết hôn với anh Nông Văn Th vào năm 2008. Việc kết hôn trên cơ sở giới thiệu và qua thời gian tìm hiểu đã có tình cảm với nhau và được hai bên gia đình nhất trí tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có giấy đăng ký kết hôn.

Sau khi tổ chức lễ cưới thành vợ chồng, hai anh chị có cuộc sống chung với nhau hơn 09 năm và có với nhau hai đứa con chung, con lớn tên Nông Thu Tr, sinh ngày 04/7/2009 và con nhỏ tên Nông Thanh Tr, sinh ngày 03/3/2016. Lúc đầu cả hai con đều ở với chị, nhưng sau một thời gian ông bà nội đã đón con cả tên Nông Thu Tr lên ở với ông bà tại Tổ xx Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; Còn con nhỏ ở với chị.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn: anh Th nghiện ngập và nhiều lần lợi dụng say rượu chửi bới chị. Do đó, chị không thể tiếp tục chung sống với anh Th được nữa. Hai anh chị chính thức cắt đứt quan hệ vợ chồng từ ngày 28 tháng 5 năm 2018.

Nay chị yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh Th là vợ chồng; Về con chung yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật; Về tài sản hồi môn ngày cưới, tài sản chung, tài sản riêng không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 26 tháng 7 năm 2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn trình bày như sau: Anh (Th) kết hôn với chị Nông Thị E vào ngày 10/01/2008 (Âm lịch). Việc kết hôn trên cơ sở hai bên tự tìm hiểu nhau, không có giấy đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Có thời gian sống chung 09 năm và có 02 con chung, con lớn tên Nông Thu Tr, sinh ngày 04/7/2009 và con nhỏ tên Nông Thanh Tr, sinh ngày 03/3/2016. Hiện nay con lớn ở với ông bà nội tại Tổ xx Thị trấn Trùng Khánh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng; con nhỏ ở với chị Em.

Nguyên nhân, lý do xin ly hôn: Do hai vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh buồn bực trong lòng nên sinh ra cờ bạc, lờ đờ, hút hít, nợ nần phải bán xe đi trả nợ. Chị E muốn hai anh chị xa nhau một

thời gian để anh ăn năn hối cải và làm lại từ đầu; Hiện tại anh cũng đã ăn năn hối lỗi, tự nguyện làm đơn xin đi uống thuốc tại cơ sở điều trị Methadone để làm lại cuộc đời trở thành người tốt để nuôi dạy hai con nên người. Bản thân anh không muốn ly hôn và mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy hai con.

Tài sản hồi môn ngày cưới không có gì. Tài sản chung, tài sản riêng của hai vợ chồng cùng nhau sử dụng, cùng nhau hưởng không yêu cầu chia.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho hai vợ chồng anh được đoàn tụ gia đình, tiếp tục chung sống và nuôi dạy các con học hành tử tế nên người; Còn về tài sản chung, tài sản riêng cùng nhau hưởng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh phát biểu quan điểm:

Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng, về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc hủy kết hôn trái pháp luật. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 19, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị E và anh Nông Văn Th.

- Về con chung: anh Th sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nông Thu Tr sinh ngày 04/7/2009 và chị E sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nông Thanh Tr sinh ngày 03/3/2016. Về cấp dưỡng nuôi con: hai anh chị không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị E phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị E và anh Th đều đăng ký hộ khẩu và cư trú trên địa bàn xã Phong Châu, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Nay chị E có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Th. Theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị E kết hôn với anh Nông Văn Th vào năm 2008. Việc kết hôn trên cơ sở giới thiệu, qua thời gian tìm hiểu đã có tình cảm với nhau và được hai bên gia đình nhất trí tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có giấy đăng ký kết hôn.

Trong quá trình sống chung, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị E cho rằng anh Th thường xuyên rượu chè, nghiện ngập và nhiều lần lợi dụng say rượu chửi bới chị. Anh Th cũng xác nhận do anh ở nhà trông con và nấu rượu; chị E đi sớm về muộn nên hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Bản thân anh buồn bực trong lòng nên sinh ra cờ bạc, lô đề, hút hít, nợ nần phải bán xe đi trả nợ. Chị E muốn hai anh chị xa nhau một thời gian để anh ăn năn hối cải và làm lại từ đầu; Hiện tại anh cũng đã ăn năn hối lỗi, tự nguyện làm đơn xin đi uống thuốc tại cơ sở điều trị Methadone để làm lại cuộc đời trở thành người tốt. Anh không muốn ly hôn và mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy hai con.

Tại phiên Tòa hôm nay, chị E xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Th được nữa, và yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh Th là vợ chồng.

Tại bản tự khai, anh Th không muốn ly hôn và mong muốn hai vợ chồng đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi dạy hai con. Tại phiên tòa hôm nay, anh Th

nhất trí với ý kiến của chị E về yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa tôi và chị E là vợ chồng.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn Nông Thị E và bị đơn Nông Văn Th và những chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Chị Nông Thị E và anh Nông Văn Th chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật Hôn nhân và gia đình. Theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình*”. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, chị E yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ giữa chị và anh Th là vợ chồng là có căn cứ, cần chấp nhận yêu cầu của chị E.

[3] Về nuôi con chung: Chị E và anh Th đều xác nhận có hai con chung. Quá trình hòa giải, và tại phiên tòa chị E, anh Th đều nhất trí: giao cháu Nông Thu Tr sinh ngày 04/7/2009 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Tr1 trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; và giao cháu Nông Thanh Tr sinh ngày 03/3/2016 cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Tr2 trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: sự thỏa thuận của hai anh chị là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật, phù hợp và cũng đảm bảo nguyện vọng của cháu Tr1 là muốn được ở với bố và ông bà nội. Do đó, cần công nhận sự thỏa thuận của chị E và anh Th về việc nuôi con chung.

Chị E, anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng: Hai anh chị thỏa thuận không yêu cầu cấp dưỡng đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Hai anh chị thỏa thuận không yêu cầu chia tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị E là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị E và anh Th được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 19, khoản 2 Điều 53, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nông Thị E và anh Nông Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị E và anh Th về việc giao con chung: cháu Nông Thu Tr sinh ngày 04/7/2009 giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Tr1 trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; và cháu Nông Thanh Tr sinh ngày 03/3/2016 giao cho chị E trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Tr2 trưởng thành (Đủ 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị E, anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị E phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị E đã nộp

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh theo Biên lai số AB/2011/000117 ngày 09 tháng 7 năm 2018.

5. Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*** Nơi nhận:**

- Tòa Dân sự -TAND tỉnh;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án - TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND TK;
- THADS . TK;
- UBND xã Phong Châu;
- Hai bên đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký và đóng dấu)

La Văn Viên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thế Hạp

Phùng Thị Phương

La Văn Viên